

BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/11/2018

Đơn vị: BV Phụ sản Hải Dương

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 05/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tị lệ		
1	Tổng số mẫu	3			
2	Giới tính				
	Nam	2			
	Nữ	1			
	Nam/Nữ	2	2.00		
3	Phương pháp sinh				
	Sinh mổ	2	67%		
	Sinh thường	1	33%		
	N/A	0	00%		
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại Trang 2)				
	Dưới 18 tuổi	0	00%		
	Từ 18 đến 35 tuổi	3	100%		
	Trên 35 tuổi	0	00%		
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)				
	Sinh con thứ 3	1	33%		
	Sinh con thứ 4	0	00%		
	Sinh con thứ 5 trở lên	0	00%		
6	Cân nặng trẻ (g)		<u> </u>		
	< 2500	0	00%		
	2500 ≤ X < 3000	1	33%		
	3000 ≤ X < 3500	1	33%		
	3500 ≤ X < 4000	1	33%		
	4000 ≤ X < 5000	0	00%		
	≥ 5000	0	00%		
7	Gói xét nghiệm		<u> </u>		
	2 bệnh	0	00%		
	3 bệnh	0	00%		
	5 bệnh	3	100%		
	2 bệnh + Hemo	0	00%		
	3 bệnh + Hemo	0	00%		
	5 bệnh + Hemo	0	00%		
8	Chương trình sàng lọc				
	Quốc gia	0	00%		
	Xã hội hóa	3	100%		
	***************************************		00%		
	Demo	0			



BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/11/2018

Đơn vị: BV Phụ sản Hải Dương

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 05/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

	I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN								
STT	Thông tin	Nguy cơ thấp L1 (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp L2 (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)		
1	Cân nặng trẻ (g)	2	1	3	0	0	0		
	< 2500	0	0	0	0	0	0		
	$2500 \le X < 3000$	1	0	1	0	0	0		
	$3000 \le X < 3500$	1	0	1	0	0	0		
	$3500 \le X < 4000$	0	0	1	0	0	0		
	4000 ≤ X < 4500	0	0	0	0	0	0		
	$4500 \le X < 5000$	0	0	0	0	0	0		
	≥ 5000	0	0	0	0	0	0		
2	Tuổi mẹ	2	1	3	0	0	0		
	13	0	0	0	0	0	0		
	14	0	0	0	0	0	0		
	15	0	0	0	0	0	0		
	16	0	0	0	0	0	0		
	17	0	0	0	0	0	0		
	18 ≤ X < 20	0	0	0	0	0	0		
	20 ≤ X < 25	1	0	1	0	0	0		
	25 ≤ X < 30	1	0	1	0	0	0		
	$30 \le X < 35$	0	0	1	0	0	0		
	35 ≤ X < 40	0	0	0	0	0	0		
	40 ≤ X<45	0	0	0	0	0	0		
	≥45	0	0	0	0	0	0		
3	Dân tộc	2	1	3	0	0	0		
	Kinh	2	1	3	0	0	0		
	Khác	0	0	0	0	0	0		
	Ba na	0	0	0	0	0	0		
	Bố y	0	0	0	0	0	0		
	Brâu	0	0	0	0	0	0		
	Cao Lan	0	0	0	0	0	0		
	Chăm	0	0	0	0	0	0		
	Chơ ro	0	0	0	0	0	0		
	Chu ru	0	0	0	0	0	0		
	Chứt	0	0	0	0	0	0		
	Cill	0	0	0	0	0	0		
	Со	0	0	0	0	0	0		
		• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	.			.	Trang 2		

	Со ho	0	0	0	0	0	0
	Cờ lao		0	0	0	0	0
	Cống		0	0	0	0	0
	Dao		0	0	0	0	0
į	Ê đê	;	0	0	0	0	0
į	Gia rai	;	0	0	0	0	0
į	Giấy		0	0	0	0	0
	Gié triêng		0	0	0	0	0
	H mông		0	0	0	0	0
	H rê		0	0	0	0	0
	Hà nhì	0	0	0	0	0	0
	Ноа	0	0	0	0	0	0
	K tu	0	0	0	0	0	0
	Kháng	0	0	0	0	0	0
	Khơ me	0	0	0	0	0	0
	Khơ mú	0	0	0	0	0	0
	La chí	0	0	0	0	0	0
	La ha	0	0	0	0	0	0
	La hù	0	0	0	0	0	0
	Lào	0	0	0	0	0	0
	Lô lô	0	0	0	0	0	0
	Lự	0	0	0	0	0	0
	M nông	0	0	0	0	0	0
	Mạ	0	0	0	0	0	0
	Mång	0	0	0	0	0	0
	Mường	0	0	0	0	0	0
	Ngái	0	0	0	0	0	0
	Nùng	0	0	0	0	0	0
	O' đu	0	0	0	0	0	0
	Pà thẻn	0	0	0	0	0	0
	Phù lá	0	0	0	0	0	0
	Pu péo	0	0	0	0	0	0
	Rag lai	0	0	0	0	0	0
	Rơ man	0	0	0	0	0	0
	Sán chay		0	0	0	0	0
	Sán dìu		0	0	0	0	0
	Si la		0	0	0	0	0
	Tà ôi		0	0	0	0	0
	Tày		0	0	0	0	0
	Thái		0	0	0	0	0
	Thổ		0	0	0	0	0
	Vân kiều		0	0	0	0	0
	X tiêng	0	0	0	0	0	0 Trang 3
							Traing 3

Xinh mun	0	0	0	0	0	0
Xo đăng		0	0	0	0	0